

Bản án số: 58 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Trung Vân Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phan Ngọc Hạnh

2- Bà Lương Thị Bạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tiền – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hàn Tiểu S, sinh năm 1962, trú tại Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Đình M có địa chỉ tại Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là Luật sư của Văn phòng luật sư Đặng Đình M thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1964, đăng ký thường trú tại Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ chấp hành án tại xã T, huyện X, tỉnh B.

(Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Hàn Tiểu S trình bày:

Bà và ông Hồ Văn H sống chung từ năm 1989, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng

nhận kết hôn số 118, quyền số 01/89 ngày 09/12/1989). Ông bà có một người con chung tên Hồ Nguyễn Anh M (nam) – Sinh ngày : 22/11/1990.

Thời gian đầu sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống bình thường nhưng sau đó dần dần không còn tình cảm với nhau do không phù hợp về tính tình và quan điểm sống. Ông bà thường xuyên mâu thuẫn, căng thẳng kéo dài nên đã thỏa thuận ly hôn một lần vào năm 2002, sau đó tự hòa giải đoàn tụ. Sau khi đoàn tụ, ông bà vẫn không có hạnh phúc. Bà nhận thấy cuộc hôn nhân của bà và ông H không có hạnh phúc, không đạt được mục đích của hôn nhân, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không thực hiện được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Khi ly hôn, bà không yêu cầu giải quyết về con chung do người con chung tên Hồ Nguyễn Anh M đã trưởng thành. Bà tự khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bị đơn là ông Hồ Văn H trình bày:

Ông và bà Hàn Tiểu S sống chung và có đăng ký kết hôn năm 1989 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà có một người con chung tên Hồ Nguyễn Anh M (nam) – Sinh ngày : 22/11/1990.

Ông đồng ý ly hôn với bà S. Ông không yêu cầu giải quyết về con chung do người con chung tên Hồ Nguyễn Anh M đã trưởng thành. Ông xác định ông và bà S không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn không tham gia hòa giải được và đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Hôn nhân giữa ông Hồ Văn H và bà Hàn Tiểu S là hợp pháp. Thời gian đầu ông H và bà S chung sống với nhau bình thường nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Bà S cương quyết ly hôn, ông H cũng đồng ý ly hôn với bà S. Mục đích kết hôn để xây dựng gia đình hạnh phúc giữa ông H và bà S là không đạt được. Ông H và bà S có một người con chung tên Hồ Nguyễn Anh M đã trưởng thành. Ông H và bà S không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, ông đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn: Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán, hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng qui trình tố tụng giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng qui định pháp luật.

Về nội dung : Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể : Cho bà Hàn Tiểu S ly hôn với ông Hồ Văn H. Ông H và bà S có một người con chung đã trưởng thành nên không giải quyết. Ông H và bà S tự khai không có tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết.

Về án phí : Án phí ly hôn sơ thẩm do bà Hàn Tiểu S chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hàn Tiểu S, xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5 căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Hồ Văn H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện :

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hàn Tiểu S và ông Hồ Văn H sống chung từ năm 1989 và có đăng ký kết hôn đúng qui định nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Bà S yêu cầu được ly hôn với ông H do sau khi kết hôn ông bà thường xuyên mâu thuẫn và căng thẳng kéo dài, bà đã từng nộp đơn ly hôn với ông H rồi sau đó thay đổi ý kiến để cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không thành. Bà S xác định hiện không còn tình cảm với ông H. Nhận thấy, ông H và bà S sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà S cương quyết ly hôn và ông H cũng đồng ý ly hôn với bà S. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, cho bà S ly hôn với ông H căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà S và ông H có một người con chung tên Hồ Nguyễn Anh M (nam) – Sinh ngày : 22/11/1990 đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà S và ông H đều tự khai không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà S và ông H đều tự khai vợ chồng không có khoản nợ nào chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Hàn Tiểu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hàn Tiểu S ly hôn ông Hồ Văn H.
2. Về con chung: Bà S và ông H có một người con chung tên Hồ Nguyễn Anh M (nam) – sinh ngày : 22/11/1990 đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Bà S và ông H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về nợ chung: Bà S và ông H đều tự khai vợ chồng không có khoản nợ nào chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Bà Hàn Tiểu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AG/2014/0006581 ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S đã nộp đủ tiền án phí.
6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
7. Về quyền kháng cáo:
Bà Hàn Tiểu S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Ông Hồ Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VSKND Quận 5;
- Chi cục THA Dân sự QN;
- UBND Phường M, Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP.

Lương Trung Vân Nhi